

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ- ST

Ngày 08 tháng 5 năm 2025

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia
đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành và bà Trần Thị Kim
Khuyên.

- Thư ký phiên toà: Bà Khương Thị Phụng - Thư ký Toà án nhân dân
huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên
toà:* Bà Đoàn Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch,
tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 24/2025/TLST-
HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo
quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3
năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn R, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn R, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Nơi
ở hiện nay: Thôn G, xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 10/02/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại
phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Đức H trình bày:

Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Thanh H1 ngày 07/5/2010. Trước khi kết hôn
có được tự do tìm hiểu, tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X,
huyện L. Sau khi cưới chị H1 về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh. Tình cảm
vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc thời gian sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên
nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, bất đồng
quan điểm. Mâu thuẫn đỉnh điểm từ năm 2014 chị H1 không quan tâm đến anh, tình

cảm vợ chồng lạnh nhạt, chị H1 cũng không quan tâm chăm sóc con, quá trình chung sống nhiều lần chị H1 về nhà mẹ đẻ ở. Tháng 4 năm 2023 vợ chồng cãi nhau chị H1 nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Gia đình hai bên có dàn xếp để vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị H1 không về đoàn tụ. Đến nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Đức K, sinh ngày 01/5/2011 và Nguyễn Đức C, sinh ngày 01/8/2014, hiện nay cả hai con đang ở cùng anh H. Ly hôn anh H xin nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H1, Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng chị H1 không đến Tòa làm việc nên không tiến hành hòa giải được. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2025 bà Nguyễn Thị Ngọc L là mẹ chị H1 trình bày: Bà kết hôn cho chị H1 lấy anh H năm 2010. Sau khi kết hôn chị H1 về làm dâu và chung sống cùng gia đình nhà chồng, quá trình chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung chị H1 về nhà bà một tháng thì gia đình hòa giải chị về đoàn tụ nhưng sau đó vợ chồng vẫn mâu thuẫn do không bảo ban được nhau, chị H1 về nhà bà ở từ tháng 4/2023 đến nay. Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án và gửi giấy triệu tập của Tòa án cho chị H1, bà có giao cho chị huyện nhưng chị H1 nói với bà là không còn tình cảm nên đồng ý ly hôn. Chị H1 bận đi làm nên không đến Tòa án làm việc. Về con chung vợ chồng có 02 con chung như anh H trình bày là đúng, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh H. Bà nghe chị H1 nói đề cho anh H nuôi cả hai con vì không muốn hai cháu phải tách xa nhau. Về tài sản, công nợ, công sức của anh chị bà không biết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2025 cháu Nguyễn Đức K trình bày: Quá trình chung sống cháu thấy bố mẹ cháu hay cãi nhau, thỉnh thoảng mẹ bỏ nhà đi, cháu đang học lớp 8A2 trường trung học cơ sở X, nếu bố mẹ ly hôn cháu xin ở cùng bố vì hiện nay cháu đang ở cùng bố cháu.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/3/2025 cháu Nguyễn Đức C trình bày: Quá trình chung sống cháu thấy bố mẹ cháu hay cãi nhau, thỉnh thoảng mẹ bỏ nhà đi, cháu đang học lớp 5A3 trường tiểu học X, nếu bố mẹ ly hôn cháu xin ở cùng bố vì hiện nay cháu đang ở cùng bố cháu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa

án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ, bị đơn không chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh H trực tiếp nuôi cả hai con, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, chị H1 vắng mặt nên không xem xét. Về án phí anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Anh Nguyễn Đức H khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với chị Nguyễn Thị Thanh H1, bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án: Ngày 10/02/2025 anh Nguyễn Đức H có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H1. Vì vậy pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án là Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức H và chị Nguyễn Thị Thanh H1 là tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tiến bộ.

Về tình cảm: Sau khi kết hôn anh H chị H1 có thời gian hòa thuận, hạnh phúc. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn đỉnh điểm từ năm 2014 vợ chồng lạnh nhạt, chị H1 không quan tâm đến việc tình cảm vợ chồng, cũng như việc chăm sóc con, tháng 4 năm 2023 vợ chồng cãi nhau chị H1 về nhà mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Đến nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn chị H1. Chị H1 không đến Tòa án làm việc nên không rõ quan điểm ra sao nhưng điều đó thể hiện chị không mong muốn đoàn tụ. Xác

minh tại địa phương xã X thể hiện năm 2019 chị H1 đã về nhà mẹ đẻ ở sau đó chị lại về đoàn tụ, từ tháng 3/2023 đến nay chị H1 về nhà mẹ đẻ ở. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó anh H xin ly hôn là có căn cứ, vì vậy cần áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H1.

Về con chung: Xét đề nghị của anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng hiện nay cả hai cháu đang ở cùng anh H. Chị H1 không đến Tòa không biết quan điểm ra sao vì vậy cần giao cho anh H nuôi cả hai con cũng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Anh H không yêu cầu chị H1 phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị H1 không đến Tòa không biết quan điểm ra sao nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào chị H1 có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng việc kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Đức H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Nguyễn Thị Thanh H1.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 01/5/2011 và Nguyễn Đức C, sinh ngày 01/8/2014 cho đến khi các con thành niên đủ 18 tuổi lao động tự túc được, (hiện nay cả hai con đang ở cùng anh H). Chị H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng theo biên lai số: 0000726 ngày 12/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Anh H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án anh H có mặt có quyền kháng cáo bản án, chị H1 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã X (để vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh